

Bản án số: 259 /2017/DSST

Ngày: 26- 7-2017

V/v “Tranh chấp về hợp đồng

dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Quốc Thái

2/ Bà Huỳnh Thị Hồng Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 462/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2017/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2017/QĐST- DS ngày 11/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1939 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Xuân T, sinh năm 1971(Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn C

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Đinh Thị Xuân T – sinh năm 1971 (Vắng mặt)

- Ông Đinh N, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phường D, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K trình bày:

Ông có quen biết với bà Đinh Thị Xuân T. Ngày 12/01/2015 ông có cho bà T vay số tiền 450.000.000đồng, tiền lãi mỗi tháng là 8.100.000đồng(tương ứng 1.8%/tháng). Thời hạn thanh toán vào tháng 3 âm lịch năm 2015. Bà T không thể chấp tài sản gì. Bà T có trả tiền lãi cho ông từ tháng 01 đến tháng 10/2015 thì ngưng. Bà T trả tiền lãi cho ông tổng cộng là 10 tháng với số tiền là 81.000.000đồng. Thực tế lúc này ông cũng chưa cần lấy lại tiền vốn nên bà T có nói với ông để cho bà T tiếp tục vay đến cuối năm bà T sẽ trả đủ.

Ngày 07/02/2015 ông tiếp tục cho bà T vay số tiền 900.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.8%/tháng. Bà T hẹn đến 07/4/2015 thì trả đủ số tiền trên. Bà T trả tiền lãi từ ngày 7/3/2015 đến ngày 7/11/2015, mỗi tháng bà T trả 16.200.000đồng. Tổng cộng bà T trả được chín tháng tiền lãi đối với giấy vay nợ này là 145.800.000đồng.

Ngày 22/06/2015 ông cho bà T vay tiếp số tiền là 500.000.000đồng. Hẹn hai tháng sau trả, lãi suất thỏa thuận là 9.000.000đồng/tháng (Tương đương 1.8%/tháng). Bà T trả cho ông được 05 tháng tiền lãi (từ tháng 7/2015 đến tháng 11/2015). Tổng cộng số tiền lãi bà T đã trả là 45.000.000đồng

Ngày 12/9/2015 ông cho bà T vay tiếp số tiền 600.000.000đồng. Bà T hẹn đến tháng 12/2015 sẽ trả. Tiền lãi là 1.8%/tháng. Bà T cũng không thể chấp tài sản gì. Bà T trả được 02 tháng tiền lãi (tháng 9, tháng 10 năm 2015). Mỗi tháng bà T trả cho ông được 10.800.000đồng. Tổng cộng tiền lãi mà bà T đã trả cho ông là 21.600.000đồng

Ông xác định là cho cá nhân bà T vay tiền chứ không cho công ty TNHH C vay. Nội dung ghi trong giấy vay tiền thể hiện bà T viết với tư cách cá nhân bà T vay chứ không có thể hiện là công ty vay. Bên dưới mỗi giấy biên nhận thì bà T tự ký tên và đóng dấu công ty. Ngay cả giấy chốt công nợ bà T cũng ghi tên cá nhân bà T nhưng bên dưới bà T cũng tự đóng dấu công ty. Do đó nay ông yêu cầu bà T trả cho ông còn thiếu là 2.450.000.000đồng và thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông không yêu cầu bà T trả lãi suất đối với thời gian trước đây mà bà T chưa trả cho ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị Xuân T có lời khai thể hiện:

Bà không có vay tiền của ông K với tư cách cá nhân mà là vay cho công ty TNHH C để hoạt động. Bà T xác định số tiền nợ vay và tiền lãi đã trả đúng như ông K trình bày. Nay ông K nếu đồng ý cho bà trả dần với tư cách cá nhân thì bà xin trả mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Bà T xin không trả tiền lãi trong thời gian chưa trả trước đây.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH C do bà Đinh Thị Xuân T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty C có vay số tiền của ông K tổng cộng là 2.450.000.000đồng gồm các đợt vay như sau:

Ngày 12/01/2015 bà là người đại diện theo pháp luật của công ty C có viết giấy vay nợ với ông K số tiền là 450.000.000đồng, tiền lãi mỗi tháng là 8.100.000đồng, tương ứng 1.8%/tháng. Hẹn đến tháng 3 âm lịch năm 2015 thì công ty trả số tiền trên cho ông K. Bên dưới giấy vay có đóng dấu của công ty. Công ty có trả tiền lãi cho ông K từ tháng 01 đến tháng 10/2015 thì ngưng.

Ngày 07/02/2015 công ty tiếp tục vay của ông K số tiền 900.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.8%/tháng. Công ty hẹn đến ngày 07/4/2015 thì trả đủ số tiền trên. Công ty trả tiền lãi từ ngày 07/3/2015 đến ngày 07/11/2015, mỗi tháng trả 16.200.000đồng. Tổng cộng công ty trả được chín tháng tiền lãi đối với giấy vay nợ này.

Ngày 22/06/2015 công ty vay tiếp của ông K số tiền là 500.000.000đồng. Hẹn hai tháng sau trả, lãi suất thỏa thuận là 9.000.000đồng/tháng, tương đương với 1.8%/tháng. Công ty trả cho ông K được 05 tháng tiền lãi (từ tháng 7/2015 đến tháng 11/2015).

Ngày 12/9/2015 công ty vay tiếp số tiền 600.000.000đồng. Công ty hẹn đến tháng 12/2015 sẽ trả. Tiền lãi là 1.8%/tháng. Công ty cũng không thể chấp tài sản gì. Công ty trả được 02 tháng tiền lãi (tháng 9 , tháng 10 năm 2015 thì ngưng). Mỗi tháng công ty trả cho ông K được 10.800.000đồng.

Phía Công ty C thừa nhận có trả tiền lãi cho ông K đúng như ông K đã trình bày.

Bà đại diện cho công ty xác định số nợ trên do bà là người đại diện theo pháp luật của công ty đứng ra vay tiền của ông K để đưa vào hoạt động của công ty, số nợ này có đưa vào sổ sách kế toán của công ty, có báo cáo tài sản hàng năm, có báo cáo thuế, các khoản vay trên có nhập vào quỹ của công ty C và được sử dụng cho mục đích hoạt động của công ty. Có hạch toán trên sổ sách kế toán, có cập nhật vào sổ và cân đối hàng năm theo quy định. Thực tế công ty C chỉ ghi sổ theo dõi bình thường và không cung cấp được các chứng từ trên cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh N có lời khai thể hiện:

Ông là anh ruột của bà T và là thành viên của công ty C. Ngày 07/12/2015 ông có ký tên vào giấy chốt công nợ với ông K. Việc bà T có giao dịch vay tiền của ông K thì ông có biết, bà T có báo lại. Do đó khi ông K đến nhà yêu cầu bà T ký giấy chốt công nợ, ông có ký tên vào giấy chốt công nợ để ông K yên tâm. Thực tế ông không có giao dịch hay nhận tiền gì của ông K. Mọi giấy tờ sổ sách do bà T ghi chép và theo dõi, ông không biết. Thực tế công ty không có sổ sách hay chứng từ kế toán thể hiện số tiền vay của ông K đưa vào hoạt động của công ty. Việc vay tiền và trả tiền lãi cho ông K là do bà T quyết định, ông không can thiệp gì. Do đó nay ông K đi khởi kiện bà T về việc trả số tiền nợ vay ông không có ý kiến gì. Bản thân ông không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ vay của ông K. Nếu sau này Tòa án giải xong, ông có điều kiện về kinh tế cũng sẽ phụ giúp với bà T để giải quyết công nợ. Hiện tại sức khỏe của ông kém, không thể đi lại nhiều, do đó ông có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại tòa, ông không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm :

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ

Việc thu thập chứng cứ : Việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu. Căn cứ đơn kiện, lời trình bày của các đương sự, các chứng cứ thu thập được, thể hiện bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì thêm. Do đó căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông K, Hội đồng xét xử xác định đây là việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn cư trú tại quận Tân Phú theo qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty C (do bà T là người đại diện theo pháp luật) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh N có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, ông K yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền là 2.450.000.000 đồng và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi suất đối với thời gian bà T chưa thanh toán lãi.

Xét, các giấy nhận tiền ngày 12/01/2015, ngày 07/02/2015, ngày 22/6/2015, ngày 12/9/2015 bà T viết nội dung là cá nhân có nhận tiền của ông K và cam kết thời gian trả nợ cũng như thanh toán lãi suất nhưng bên dưới các giấy nhận tiền bà T có ký tên và đóng dấu công ty C. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Quyết định số 33/2017/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2017 về việc yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn C cung cấp chứng từ sổ sách kế toán, báo cáo tài chính về số tiền vay của ông K đưa vào hoạt động của công ty. Hết thời hạn thông báo nhưng phía công ty C (do bà T là người đại diện theo pháp luật) có văn bản trả lời không cung cấp được các chứng cứ trên nên bà T cũng đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân về số nợ vay của ông K và xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nợ. Bà T xin không trả lãi suất đối với thời gian chưa trả. Do ngừng trả tiền lãi xuất cho ông K từ năm 2015 đến nay nên đối với số tiền lãi đã trả bà T không yêu cầu tính toán lại. Phía ông K cũng đồng ý

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao dịch vay tiền thực hiện giữa ông K với cá nhân bà T. Bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh đối với số tiền vay 2.450.000.000 đồng đưa vào hoạt động của công ty C, điều này cũng phù hợp với lời khai của ông Đinh N là thành viên công ty C thừa nhận số tiền trên không có đưa vào sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính của công ty C. Mặt khác, tại các giấy nhận tiền thể hiện nội dung ghi trong giấy là cá nhân bà T vay và việc thanh toán lãi cho ông K cũng cá nhân bà T thanh toán, có lập biên nhận theo từng đợt tại mặt sau của giấy nhận tiền. Từ những nhận định trên, việc ông K yêu cầu bà T trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về thời hạn thanh toán: Ông K yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T không đồng ý và xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các giấy vay tiền giữa ông K và bà T có thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ. Nay thời hạn đã hết, ông K cũng nhiều lần nhắc nợ nhưng bà T chưa thanh toán và kéo dài là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông K được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí là 81.000.000đồng. Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho ông K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa Án có hiệu lực ngày 01/7/2009;

- Thông tư số 01/TTLT ngày 19.6.1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tài chính - Bộ tư pháp hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K.

Buộc bà Đinh Thị Xuân T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền là 2.450.000.000đồng(hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Xuân T phải chịu án phí là 81.000.000đồng(Tám mươi một triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí là 40.500.000đồng(Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Ngọc K theo biên lai thu số 0025957 ngày 27/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THA DS QTân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương